**Mạch Quốc Thoại**

**CÔNG QUÁ CÁCH**

(Trích “Cảm ứng – Âm Chất giác thế -

Công Quá cách – Tỉnh thế ngộ Chân”)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

[LỜI NÓI ĐẦU 5](#_Toc83567716)

[LỜI TỰ CÔNG-QUÁ-CÁCH 9](#_Toc83567717)

[ĐIỀU-LỆ CÔNG-QUÁ-CÁCH 16](#_Toc83567718)

[PHẦN 1: CÔNG CÁCH 18](#_Toc83567719)

[PHẦN 2: QUÁ CÁCH 29](#_Toc83567720)

[LỜI VĂN NGĂN LÒNG DỤC 39](#_Toc83567721)

[CỦA ĐỨC VĂN XƯƠNG ĐẾ QUÂN 39](#_Toc83567722)

[12 ĐIỀU CẤM PHÙ HỰU ĐẾ QUÂN 43](#_Toc83567723)

[Sách đạo-kinh nói 44](#_Toc83567724)

[Về những đồ nhơ uế đừng để gần bếp 44](#_Toc83567725)

[Đời xưa thầy Thạch-Thiên-Cơ nói 45](#_Toc83567726)

[Lời-khuyên-đời của Ông Lữ-động-Tân 45](#_Toc83567727)

[ÔNG HỨA-CHƠN-QUÂN RĂN ĐỜI 46](#_Toc83567728)

# LỜI NÓI ĐẦU

Trong Thiện thư của Lê Anh Minh có đoạn viết:

***“Công quá cách”*** *là “Những cuốn sổ ghi công – lỗi”. Công Quá Cách là một dạng bảng tự kiểm hàng ngày. Thiện ngôn thiện hành (lời lành việc tốt) được xem là công và được ghi vào công cách; Ác ngôn ác hành (lời ác việc ác) được xem là quá và được ghi vào quá cách (chữ “quá” nghĩa là «sai lầm, tội lỗi»).*

*Lời tựa của Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách viết: «Tu Chân chi sĩ, minh thư nhật nguyệt, tự ký công quá, tự tri công quá đa quả» (có nghĩa là: Người tu chân mỗi ngày mỗi tháng phải ghi rõ công và tội của mình để tự biết công và tội ấy nhiều hay ít).*

Trong cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn (là “Bốn điều khuyên dạy của tiên sinh Viên Liễu Phàm thời nhà Minh (từ năm 1535- 1609), ông kể lại câu chuyện của chính cuộc đời mình cho con cháu. Năm 15 tuổi ông gặp Khổng tiên sinh và được Khổng lão đoán định số mạng, công danh cho ông. Trong vòng 20 năm, ông tự chiêm nghiệm những lời đoán này thì điều nào Khổng tiên sinh dự đoán đều đúng hết. Về chung cuộc, Khổng tiên sinh đoán định ông đỗ đạt không cao, không con trai nối dõi, năm 53 tuổi thì chết.

Năm 35 tuổi, ông được Vân Cốc thiền sư dạy cho cách chuyển đổi số mạng, Vân Cốc Thiền sư đưa cho ông cuốn “Công quá cách” bảo ông ghi hết những điều đã làm trong ngày; thiện thì được điểm, ác thì trừ điểm, để quyết tâm sửa đổi. Ông chân thực làm và ông đã chuyển họa thành phước, cải tạo được vận mạng của mình: Ông đỗ tiến sĩ vào niên hiệu Vạn lịch thứ 14, có con trai là Thiên Khải, và thọ đến 74 tuổi.

Qua đó nêu rõ tính xác thực của lý nhân quả, khuyên người phải biết sợ sệt tránh xa những việc xấu ác và nỗ lực làm thiện.

Lão Pháp Sư Tịnh Không, có giảng như sau:

*“…Vào thời nhà Minh,* ***“Công quá cách”*** *rất phổ biến. Chúng tôi từ trên lịch sử xem thấy, vĩ nhân có thành tựu rất nhiều, đều là đã từng dùng phương pháp “Công quá cách” để kiểm điểm lỗi lầm của mình.*

*Công quá cách, hiện tại tại ở Đài Loan và Hương Cảng cũng rất lưu thông, nên có thể tìm thấy. Chúng tôi trong quá khứ cũng đã từng in ấn rất nhiều. Mỗi ngày đều đánh dấu, việc tốt đã làm trong ngày tôi tự mình đánh dấu. Mỗi ngày sai sót đã tạo, phản tỉnh lỗi sai, sai cũng đánh dấu vào. So sánh thiện ác, tôi ngày hôm nay đến cuối cùng là thiện nhiều hay ác nhiều? Thời gian đầu tôi làm, nhất định là thiện ác lẫn lộn, có khả năng là ác nhiều hơn thiện, cảnh giác của bản thân liền tăng cao. Ngày ngày đều chân thật nỗ lực sửa sai, hi vọng đến một ngày, một khi mở công quá cách ra đều là thuần thiện không ác, thì bạn đã thành công rồi….”* (Trích Liễu Phàm Tứ Huấn Giảng giải – Chủ giảng: Lão Pháp sư Tịnh Không).

Công quá cách có rất nhiều chủng loại, tương truyền Phạm Trọng Yêm, sinh năm 989 - mất 1052, ông là nhà chính trị, nhà văn, nhà quân sự, nhà giáo dục thời Bắc Tống[[1]](#footnote-1) và Tô Tuân[[2]](#footnote-2), sinh năm 1009 - mất 1066, ông là quan nhà Tống, và là nhà văn đứng trong hàng tám nhà văn lớn thời Đường -Tống trong lịch sử văn học Trung Quốc. Cả hai luôn có cuốn “Công Quá cách” theo bên mình.

 Nhận thấy cuốn “Công quá cách” này quá quan trọng chúng tôi đã mạo muội biên tập lại cuốn “Công quá cách” trên cơ sở cuốn “Cảm Ứng – Âm Chất Giác thế - Công Quá cách - Tỉnh thế ngộ Chân”, nguyên bản: Của ông Mạch Quốc Thoại – Ở chùa ông Tân Uyên, Biên Hòa, do Cư sĩ Trảng Bàng Ấn Tống – Nhà xuất bản Xưa và Nay - Sài gòn năm 1925, để cúng dường những người hữu duyên, giúp cho liên hữu xa gần có thể chuyển họa thành phước, giúp người người hạnh phúc, nhà nhà hạnh phúc, XH hạnh phúc, và tạo nền tảng vững chắc cho việc thành tựu đạo quả.

 Trong quá trình biên tập, do bản văn xuất bản từ năm 1925 nên có một số từ ngữ hơi khó hiểu, trúc trắc chúng tôi vẫn để nguyên bản, đồng thời phần chú thích cuối là do ban biên tập sưu tầm. Do trình độ nông cạn, học vấn thấp kém, chắc chắn không thể tránh được sai sót. Kính mong các liên hữu xa gần đóng góp ý kiến, chúng tôi xin tri ân và chân thành sửa đổi để lần tái bản sau được tốt hơn.

*Nhóm gia giới đệ tử đạo tràng 1108*

*thành tâm cúng dường.*

Hà Nội tháng 1/2017

# LỜI TỰ CÔNG-QUÁ-CÁCH

*Tựa nầy của Quan-Đế[[3]](#footnote-3)-[[4]](#endnote-1) giản bút tại Kinh-Đô,*

*niên hiệu vua Gia-Khánh năm thứ 6[[5]](#footnote-4)*

Quan-Thánh-Đế-Quân dạy rằng:

“Nguyên xưa ta là dân lành thời Đại-Hán, may gặp chúa thánh, kết nghĩa tại vườn-đào; thề trừ tôi gian nhà Hán, đánh Ngô, phạt Ngụy, quyết đem về nhà Hán (cho) họ Lưu. Không dè thiên-hạ chia ba, trong lòng tráng sĩ chưa toại, ta bị vây tuyệt lương tại Mạch-thành, cháu ta là Lưu-Phong không ứng tiếp, nên Kinh-Châu thất thủ, bởi mắc kế của tiểu-nhơn là Lữ-Môn, thiệt là khó từ tội ấy. Sau nhờ ơn anh rộng lượng, đã không chấp, lại hưng binh phạt Ngô mà báo cừu, cũng vì nghĩa tôi em mới bị thất, rồi về thành Bạch-Đế mà băng. Chiếm cứ một cõi Tây-Thục mà thôi, thật chưa thỏa nguyện. Nhớ tới việc cũ hổ-thẹn vô cùng, nhưng bởi khí số trời đã định, nên khó nỗi giúp nhau.

Sau ta hiển thánh đã lâu, vâng Thượng-Đế cầm quyền trong thế-giái. Ngày kia ta tuần vãn đến tỉnh Giang-Nam, thấy lòng người càng ngày càng lung, phong tục càng ngày càng tệ.

Ta động lòng thương đời, vi phạm luật Trời rất nặng, cũng bởi chưa hiểu thiên-luật, nên không biết mà cử kiên (kiêng cữ). Thấy vậy ta bèn tâu với Thượng-Đế, xin cho Phù-Hựu Đế-quân là Lữ-Động-Tân[[6]](#endnote-2) chép cuốn luật phước tội, là Công-Quá-Cách, gián bút cho đời biết điều gì được mấy lành và điều gì bị mấy tội mà giữ mình.

Ta cũng có bổ thêm một hai điều, cho kẻ ngoan-ngạnh chừa lỗi (cải ác tùng thiện). Không dè có kẻ đại-ác, chê Công-Quá-Cách là sự trái, không tin sự tội phước. Thiệt rất uổng công chúng ta quá!

Hôm trước, nhằm ngày rằm tháng tư, ta đến chầu đức Thái - Thượng Đạo - Tổ[[7]](#footnote-5), các thần tiên cũng có đến nữa, rồi qua phó hội nơi cung Diêu-Tri, ăn yến tại cung Tây-Vương-Mẫu. Có ông Lữ-Động-Tân với chư Tiên, đều trách đời không tin Công-Quá-Cách. Ta với các vị Thần Thánh, đều thở ra mà thôi, chớ hết chỗ nói nữa.

Nay gặp diệp Ngô-khả-Sư, với Châu-đại-Luận, hai người có lòng thành thỉnh Tiên, chánh ý cầu ta gián bút (gián cơ) nên ta phải xuống cắt nghĩa một lần nữa, cho rành sự tích Công-Quá-Cách. Hỡi ôi! Lòng người tập sự dữ (làm dữ) đã quen, thiệt không kể xiết.

1. Không ngay, không thảo, chẳng nghĩa, chẳng nhơn (nhân từ).
2. Không sợ oai trời, chẳng kiêng người lớn, không vâng lời của Thánh Hiền.
3. Mở miệng thì nói những chuyện không có, gọi là sự mới nghe;
4. Luận bàn sự nữ-sắc, gọi là sự khoái lạc;
5. Bợ nhà giàu không dám nói tên;
6. Khinh người hiền xánh - khóe mà kiêu ngạo. Bởi quen tánh xấc xược;
7. Ỷ của mà hành hung; Khi có việc cầu người thì lạy gần sói trán.
8. Bạn hữu mình nghèo thì lơ-lảng, làm mặt lạ không ngó tới nhau;
9. Đương lúc có của thì lo sắm sửa cho huê - mỹ, không biết lo đến ngày sau.
10. Ganh hiền, ghét ngỏ, cứ bới lông tìm vết mà chê người.
11. Cười nhà nghèo, mà bợ kẻ giàu, không biết hổ thẹn, ít ai biết sửa mình mà chừa thói ấy.
12. Tuy mặt người nhưng lòng chẳng phải là người, vậy mà ai nói tới thì giận.
13. Đám ma mà dùng nhạc cho vui;
14. Gặp chuyện ăn mừng thì bày ra hát xướng, gọi là trả lễ cho linh-thần. Thần Thánh đâu có ham vui mà làm cho tốn của phàm dân? Vả lại bày sự nhơ nhớp trước mặt Thánh Thần, ấy là cầu tội chớ không phải là cầu phước.
15. Cũng như làm chay mà lại sát sanh, bày thịt thú vật trước mặt Phật, là chuốc lấy tội cho mình;
16. Xô giàng (?) làm cho người đạp đồ ăn, thì là làm cho thêm tổn đức, chớ có phước chi. Bày nhiều đều lãng phí, mới sanh ra sự khó nghèo.

Kinh Minh-Thánh ta đã cấm sát sanh, kinh Giác-Thế ta đã bảo phóng sanh. Ta nào hưởng loại súc-vật mà cúng tế? Ấy là cãi lời ta dạy, bày ra ăn uống, lại đổ tiếng cho ta, cũng chẳng khác bày hát xướng cho Thần coi đó. Khắc bạc (Ác nghiệt) bất nhân mà muốn giàu bền sao đặng? Không biết cần kiệm thì làm sao nên tiểu phú? Xa-xỉ lãng phí thì giàu phải trở ra nghèo, vì hủy của Trời, nên mau hết lộc, nếu hết lộc thì phải chết.

1. Có lầm lỗi không chịu chừa cải, lại kiếm cớ mà nói cho qua, chớ chẳng chịu cho người sửa quấy.
2. Làm dữ lại khoe tài giỏi, ai có can gián thì lại giận hờn.
3. Xui gây gổ kiện thưa mà kiếm lợi;
4. Lo với chỗ quyền thế, như cáo mượn oai cọp mà hại người.
5. Lòng độc như loài rắn, rết chẳng gươm đao, bút độc như ong, hại người thêm nhức nhối;
6. Lại phân bì người đời trước, bàn luận việc xưa nay, khoe việc văn chương, hay đặt điều trêu hoa ghẹo nguyệt.
7. Gặp việc thì lui chân sợ chết; bình thường thì khoe miệng đặng cầu danh.
8. Ở quấy với bằng hữu lại đổ lổi lỗi cho người.
9. Miệng nói ngọt như đường, lời giao ước chẳng đặng bao lâu mà đã phụ.
10. Chuyện nhỏ mọn không đáng giận, cũng lo kế báo thù.
11. Khoe mình sánh với người xưa, nghe lời luận có nhiều điều kẻ vạch;
12. Khoe mình sánh với người hiền trước, xét ra thì lòng quyết hại chúng mà lợi mình.
13. Vì sự lợi mà quên cha mẹ, có của nhiều mà không kể đến anh em.
14. Mỏ nhọn như chim gõ-kiến, hay nói thị phi;
15. Miệng độc như đuôi ong bầu, hay bày châm chích.
16. Thường năm con ta tâu (hàng năm còn tấu trình ta) về sự xin xăm:

Nhiều kẻ hỏi chuyện ruộng vườn, chuyện nhà cửa, sự công danh, sự tài lợi, chớ không ai hỏi chuyện quả báo và tội phước của mình.

Mỗi tháng Châu - Thương trình về sự hứa nguyện: Nhiều kẻ hứa cúng áo, cúng liễn, cúng dầu, lập chùa miếu, chớ không ai nguyện in kinh cho thiên hạ.

1. Lòng người gian dối, tập tục xấu đã thành, cứ làm sự dữ dư muôn ngàn kể đà không xiết. Dầu lấy hết nước biển, nước sông Huỳnh-Hà mà rửa cũng không sạch được.

Nay ta sẵn lòng đến đây là vì việc ấy. Rất đỗi ta còn ngồi đây, mà chúng nó cũng nhỏ to bàn luận, nếu ta đi rồi, chắc chúng nó sẽ bài bác chớ chẳng không. Mấy thủa mà biết ăn năn đặng sửa mình cho chánh. Song ta chẳng nỡ đãi người như cầm thú, nên không ngại mỏi miệng mà nói dai, gắng nói hết lời cho người đời tĩnh lại, ví như ngọn đèn gần tắt, mà cũng nhán lại một cái rồi mới tắt luôn.

Bởi ta theo lòng Trời rộng dung mà đợi người chữa lỗi, cũng như lòng vua thánh khóc kẻ có tội, mà khuyên những người sau. Thiệt nói một câu mà sa một giọt lụy. Lòng ta thương bá tánh vô cùng, khá sớm hồi tâm, như kẻ làm hàng bỏ dao thọc huyết, rồi tu lâu cũng có lẽ thành Phật được. Mau gẫm lại, như vén mây ngút thì thấy trời xanh. Ta nói ra càng động lòng, người nghe qua nên tạc dạ, nếu thấy lời nầy mà không học, thiệt kể cừ-khôi, nếu nghe lời ta mà không vâng theo thì là người liều mạng. Rất đổi sãi xưa giảng kinh Phật, cục đá cũng gật đầu, lẽ nào người mà không bằng đá. Dầu lòng độc ác, mà nghe lời lành thì cũng động chút lương tâm, nếu chẳng ăn năn, thì chịu tội sao cho nổi?

Phải sửa! Phải sửa! Sửa cho ra thể con người.

Phải suy! Phải suy! Suy cho ra sự lỗi.

Ba mươi khoan nói lành nói dữ, cũng như thuốc đắng trị bịnh người đời; Mấy ngàn câu dạy thảo dạy ngay, thiệt là luận nghiêm, định phần thưởng phạt. Người trí cao thì gọi là sự thường, kẻ ít học phải giữ làm là luật. Kẽ thông đạo lý, không cần phân sự họa phước với quỉ thần. Muốn sửa lòng dân, nên phải giảng việc dữ lành và báo ứng.

Nếu ai vâng theo Công-Quá-Cách được một năm, thì được phước gia bội, đặng mười năm thì thêm một kỉ[[8]](#footnote-6), khỏi bị ôn dịch, cầu gì được nấy.

Nếu không tin mà kiêu ngạo, thì sẽ bị lửa trời, lửa đất, lửa người đốt liền và roi sắt, roi vàng, roi người áp tới. Chết rồi đầu thai ra súc vật, không được trở lại làm người, chừng ấy ăn năn sao kịp.

Đội trời, đạp đất thì phải cải dữ làm lành, đừng liều mạng hủy mình, để tới đâu hay tới đó. Như vậy thì ta mừng cho, chớ khá quên lời dặn.

# **ĐIỀU-LỆ CÔNG-QUÁ-CÁC**H

Những kẻ mới thấy Công-quá-Cách, biết ăn năn chừa lỗi, chịu giữ theo đây, thì tội trước được tha, kể từ về sau mới tính lỗi.

Ai muốn giữ theo Công-quá-Cách, thì sắm một bổn sổ, mỗi ngày xét mình coi đặng (được) mấy lành và mấy lỗi, rồi ghi vào sổ. Cuối tháng cộng lành và lỗi lại trừ, còn dư thì ghi dưới tháng ấy. Rồi qua tháng khác cũng làm như tháng trước.

Song phải lấy lẽ công bình mà ghi, chớ khá lấy lòng tư mà dung tội cho mình, việc lành và việc dữ cũng ghi cho thiệt, chớ đừng có bỏ qua. Như vậy thì tháng đầu lỗi nhiều lành ít, lần lần lành lỗi bằng nhau, lâu lâu thì nhiều lành ít lỗi. Tới hết lỗi, thì thiện căn đã thâm rồi, (nhiều rồi) tự nhiên gặp phước. Nếu lâu năm lành được nhiều, sau thác có Thần Tiên rước hồn. Chớ như làm lỗi thì ghi, ghi rồi, làm lỗi nữa, không biết chưa lỗi, thiệt là ghi tội thêm cho mình đó.

**MỤC-LỤC**

TAM THIỆN (3 điều lành)

|  |  |
| --- | --- |
| Ý thiện: 56 điều | (Lòng lành: 56 điều) |
| Ngữ thiện: 39 điều | (Nói lành: 39 điều) |
| Hành thiện: 72 điều | (Làm lành: 72 điều) |
|  |  |
| TAM ÁC (3 điều ác) |
| Ý ác: 59 điều | (Lòng dữ: 59 điều) |
| Ngữ ác: 57 điều | (Nói dữ: 57 điều) |
| Hành ác: 120 điều | (Làm dữ: 120 điều) |

## PHẦN 1: CÔNG CÁCH

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|   | **Phần I: Làm thiện** | **Công** |
| I | **Ý thiện** |   |
| 1 | Trong lòng thanh tịnh, không tính một mảy việc quấy, mỗi ngày | 10 |
| 2 | Trong lòng không quên cha mẹ, hết lòng yêu kính, mỗi ngày | 10 |
| 3 | Hằng tưởng lời Thánh Hiền, trong lòng xét nét mà ở, mỗi ngày | 10 |
| 4 | Làm việc chi, cũng tưởng như có Trời, Đất, Quỉ, Thần soi xét, (mỗi ngày/mỗi việc) | 1 |
| 5 | Ngồi một mình, kiêng nể như có khách quí mỗi ngày | 10 |
| 6 | Ngồi không thì hay xét tội mình | 5 |
| 7 | Hằng tính việc làm phước cho người, mỗi ngày | 10 |
| 8 | Nhớ ơn người, hằng lo báo đáp | 3 |
| 9 | Tính làm việc phải thì sấn tới, không hồ nghi chi tiết | 5 |
| 10 | Vui vẻ không giận hờn, mỗi ngày | 10 |
| 11 | Cải ác tùng thiện, răn lòng không dám phạm nữa | 1000 |
| 12 | Nghe người nói sự tục tĩu mà chẳng động lòng | 5 |
| 13 | Thấy gái tốt mà chẳng động lòng | 50 |
| 14 | Nghe người nói phải, thấy làm phải, mà biết mến trọng | 1 |
| 15 | Nghe người nói dữ, thấy làm dữ, mà biết răn lòng | 1 |
| 16 | Người nhờ cậy giúp sự phải, mình hết lòng lo giúp | 10 |
| 17 | Đương cơn giận, mà biết dằn lòng | 10 |
| 18 | Đương vui mừng khoái lạc, mà biết răn bớt | 3 |
| 19 | Lúc giàu sang mà cam lòng đạm bạc | 5 |
| 20 | Lúc khó hèn mà không phàn nàn than thở, mỗi ngày | 1 |
| 21 | Tuy nghèo khó mà không biến ra sự sai quấy, mỗi ngày | 1 |
| 22 | Dầu túng lắm cũng không tính sự gian trá mà đỡ ngặt | 30 |
| 23 | Người ở vô lễ với mình mà không chấp, mỗi việc | 10 |
| 24 | Người toan mưu lấn mình, mà không lòng tranh cự, mỗi việc | 10 |
| 25 | Lỡ mích lòng người, mình tính hóa giải cho người hết giận | 10 |
| 26 | Trong lòng bất bình, nhưng cố nghĩ cho ra lỗi mình mà bỏ qua | 10 |
| 27 | Thấy người rủi ro, mình đem lòng cảm thương | 1 |
| 28 | Thấy người gặp sự may thắng, mà mừng giùm | 3 |
| 29 | Thấy người tài cao, mà lòng mình kính phục | 1 |
| 30 | Thấy người đói khó đem lòng thương xót | 1 |
| 31 | Thấy người siêng-sắn, mệt nhọc, mà thương  | 5 |
| 32 | Thấy người quê mùa lầm lỗi, mà lòng không khinh khi | 1 |
| 33 | Thấy người có của quý báu, mà không ước về mình | 1 |
| 34 | Thấy người giàu sang, không lòng tham mến | 10 |
| 35 | Không bợ đỡ đặng cậy thế có thể cầu thân được mà không màng | 30 |
| 36 | Thấy người suy sụp mà không lòng khinh dẻ | 50 |
| 37 | Thấy người tuổi tác, thông thái, thì đem lòng cung kính | 3 |
| 38 | Thấy người có đức hạnh, thì đem lòng tôn kính | 5 |
| 39 | Thấy đứa ngu dữ ở vô lễ mà chẳng giận | 3 |
| 40 | Thấy người cố thực mà không ghét | 1 |
| 41 | Nghe người nói không gốc, nói huyễn mà chẳng chê | 1 |
| 42 | Thấy người ở phải, lòng hằng trông Trời thưởng phước | 5 |
| 43 | Thấy người ở quấy, hằng sợ sẽ bị họa | 10 |
| 44 | Nghe người làm sự lành, mà không nghi đồn huyễn | 1 |
| 45 | Nghe người làm sự dữ, mà chưa tin | 5 |
| 46 | Bị nạn chẳng giận |  10÷50  |
| 47 | Bị người chê bai, mà không cãi lẽ | 10÷50  |
| 48 | Chịu lỗi thế cho người ép mình gánh lỗi |  10÷100  |
| 49 | Nhượng phần phải cho người. Nhượng người hơn mình |  10÷100  |
| 50 | Nghe một lời nói trái tai mình, mà dằn lòng được | 5÷50  |
| 51 | Tuy người khen mình, mà mình biết răn lòng xét nét | 5 |
| 52 | Tuy người bợ đỡ, mình càng khiêm nhường | 5 |
| 53 | Thói đời hay đưa theo ngọn gió, mình chẳng chấp làm chi | 1 |
| 54 | Tôi tớ đáng giận mà không giận | 1 |
| 55 | Trọn một ngày không nói xẵng-xớm, không hờn giận | 1 |
|   |   |   |
| **II** | **Khẩu thiện** | **Công** |
|   |   |   |
| 28 | Lấy lời phải mà dạy vợ, con, em, tôi tớ (mỗi ngày/mỗi việc) | 1 |
| 12 | Khuyên dạy thân thích bà con hòa thuận | 100 |
| 1 | Can gián khuyên giải cho khỏi việc hại người | 10÷100 |
| 2 | Khuyên dạy một người nên đức hạnh | 200 |
| 3 | Khuyên một người cải ác tùng thiện  |   |
| - |  Người thường | 30 |
| - |  Học trò | 100 |
| - |  Quan  | 300 |
| 4 | Khuyên một người dừng phá thai | 200 |
| 5 | Khuyên một người đừng giết con  | 500 |
| 6 | Khuyên một người sống sao cho có hiếu |   |
| - |  Nó chẳng nghe mình | 10 |
| - |  Nó nghe theo mình | 100 |
| - |  Nó chừa bất hiếu luôn | 1000 |
| 7 | Khuyên một người hòa thuận với anh em |   |
| - |  Nó không nghe | 10 |
| - |  Nó hồi tâm luôn luôn | 1000 |
| 8 | Khuyên bà con của người hòa thuận với nhau | 50 |
| 9 | Thầy chùa, thầy pháp, thầy thuốc, thầy dạy học:  |   |
| - |  Khuyên một người làm lành | 1 |
| - |  Khuyên thảo với cha mẹ, thương kính anh chị | 2 |
| 10 | Khuyên can kẻ săn bắn, làm hàng, chài lưới bắt cá |   |
| - |  Nó không nghe mình | 10 |
| - |  Nó giải nghiệp (nó được 1000), mình được | 100 |
| 11 | Khuyên những kẻ đánh bạc, chơi điếm, ghiền, xài lớn, hồi tâm được | 100 |
| 12 | Khuyên một người bỏ bài bạc | 50 |
| 13 | Khuyên một người thôi chơi điếm và hết ghiền | 50 |
| 14 | Khuyên một người thôi kiện |  10÷50  |
| 15 | Khuyên một người thôi đánh lộn | 5 |
| 16 | Khuyên một người hết giận | 3 |
|   | Ba điều nói trên đó, nếu việc bà con của nó với nhau, thì lành bằng hai |   |
| 17 | Khuyên dạy 1 người cần kiệm, siêng làm mà tiện-tặng | 100 |
| 18 | Khuyên mấy người bạo tánh nóng nảy, đổi tánh hiền hòa |   |
| - |  Nếu không nghe mình | 1 |
| - |  Nghe lời mình | 10 |
| - |  Chừa tánh nết, mình đặng | 50 |
| 19 | Khuyên người đừng nói sự đàn bà hư, thất tiết, tục tĩu | 20 |
| 20 | Thấy ai nói chuyện lỗi của người, thì mình khuyên can | 3 |
| 21 | Thấy người chê bai Thánh Hiền, thì lấy nghĩa lý mà giải | 10 |
| 22 | Đặt sách khuyến thiện, khuyên người làm lành, 1 câu | 1 |
| 23 | Gặp người thì nói việc phải và lòng ngay dạ thẳng, mỗi việc | 10 |
|   | Nếu khuyên người ở được như vậy | 100 |
| 24 | Gặp người mà giảng một việc quả báo, một việc | 1 |
| 25 | Chuyện gì người chẳng biết mà mình dạy giùm | 5÷50 |
| 26 | Người ta hỏi thăm thì nói ngay chẳng giấu | 1÷5 |
| 27 | Người ta hỏi thăm đường, chỉ cho rành | 1 |
| 28 | Dạy người biết trị nhà, giữ mình, mỗi việc | 1 |
| 29 | Thấy người lo sợ thì kiếm lời khuyên giải | 1 |
| 30 | Cắt nghĩa cho một người khỏi hàm oan | 50÷200 |
| 31 | Nói một lời có đức hạnh | 100 |
| 32 | Khoe một người lành | 1÷5 |
| 33 | Khoe một người có đức hạnh mà làm gương | 10÷30 |
| 34 | Che đậy một sự tội lỗi của người | 10÷50 |
| 35 | Tiến cử một người có đức | 50÷100 |
| 36 | Can kẻ làm việc quấy | 5÷50 |
| 37 | Không nói dối, nói láo, nói quấy, mỗi ngày | 5 |
| 38 | Làm thinh, mỗi ngày | 3 |
|   |   |   |
| III | **Hành thiện** | **Công** |
| 1 | Hoán cải cha mẹ cải ác vi thiện  | 100 |
| 2 | Chịu đựng khi cha mẹ buồn bực, cáu giận | 100 |
| 3 | Cha mẹ hậu đãi ai, mình cũng hậu đãi | 100 |
| 4 |  Không trì hoãn việc mai táng cha mẹ  | 100 |
| 5 | Chu đáo lo việc tang ma cha mẹ  | 50 |
| 6 | Người muốn phá tiết đàn bà mà mình cản | 500 |
| - | Nếu con gái, cô vãi, người chồng chết, bảo hộ cho các kẻ ấy | 1000 |
| 7 | Kẻ già không con, có sức cưới vợ hầu cho khỏi tuyệt tự | 500 |
| 8 | Lập tự cho một người vô hậu | 100 |
| 9 | Cưới vợ cho đứa mồ côi | 200 |
| 10 | Giúp một người lưu lạc được về xứ sở | 100 |
| 11 | Thấy người hiếp đáp kẻ góa bụa, mồ côi mà binh vực | 50 |
| 12 | Dắt kẻ già, bịnh, tật nguyền, đi qua cầu, đường có lội, đường xe | 1 |
|   |   |   |
| 13 | Tôi-tớ ăn cắp nhỏ mọn, hoặc lầm lỗi mà bỏ qua | 10 |
| 14 | Tôi-tớ đáng tội mà tha, lại khuyên dạy nữa | 5÷50 |
| 15 | Đày tớ gái đúng tuổi thì gả nó | 50 |
| 16 | Chôn cất đứa tôi-tớ cho tử tế | 10 |
| 17 | Biết xét sự lao khổ cho kẻ dưới tay | 1 |
|  |   |   |
| 19 | Lợi ích cho 1 người | 1 |
| 20 | Giúp một người được sự tử tế |  10÷100  |
| 21 | Người nhờ cậy mình việc phải, hết sức giúp nên, mỗi việc | 10 |
| 22 | Đỡ việc nặng cho người | 1 |
| 23 | Bảo hộ một người hiền lành | 10 |
| 24 | Khóc một người có tiết nghĩa, mà làm gương cho đời | 100 |
| 25 | Trả ơn một người  | 5÷50 |
| 26 | Bỏ qua một người cừu oán  | 5÷50 |
| 27 | Không nỡ thừa dịp người nghèo ngặt mà mua đồ rẻ | 5÷50 |
| 28 | Gần thầy hay bạn lành, mỗi ngày | 8 |
| 29 | Dạy người học hay; Dạy người đức hạnh; Dạy người làm nên nhà | 200 |
|   |   |   |
| 31 | Ăn chay không sát-sanh, mỗi ngày | 1 |
| 32 | Ăn cực (không hủy của), mỗi ngày | 1 |
| 33 | Tiếc gạo lúa, không hủy hoại, mỗi lần | 1 |
| 34 | Cơm rớt dưới đất dơ mà lượm lên, mỗi hột | 1 |
| 35 |  Nếu rửa sạch mà ăn, mỗi hột | 10 |
| 36 | Mượn đồ của người, biết cưng dưỡng, và trả y kỳ đúng hạn | 1 |
| 37 | Giữ gìn một món đồ cho người khỏi hư | 1 |
| 38 | Không đổ nước sôi xuống đất, e chết trùng và kiến, mỗi lần | 1 |
|   |   |   |
| 39 | Làm cầu, đắp lộ | 100 |
| 40 | Xây thềm lộ, mỗi thước | 1 |
| 41 | Đắp đường, sửa lộ, mỗi thước | 1 |
| 42 | Đào một cái ao, một cái giếng | 10 |
| 43 | Lượm chông gai và miếng sành ở giữa lộ mà bỏ đi, mỗi lần | 1 |
| 44 | Lập các sở cứu giúp người, như nhà thương thí, trường học, thí sở, thí lúa, cơm, cháo, thuốc, giúp một người | 1 |
| 45 | Bày đầu làm sự lành, như cất nhà mát cho bộ hành nghỉ nắng, trú mưa. Đưa đò thí; Thí cháo; Thí trà; Lượm giấy chữ; Phóng sanh | 10÷100 |
| 46 | Thắp đèn thí, mỗi đêm | 1 |
| 47 | Lúa gạo bán rẻ, mỗi 100 đồng điếu | 1 |
| 48 | Bán rẻ, mỗi ngày | 1 |
| 49 | Bố thí cho kẻ côi-cút, già bịnh, tật nguyền, mỗi người | 3 |
| 50 | Cho sãi, hoặc ăn mày, hoặc người lỡ đường, ăn một bữa | 10 |
| 51 | Thí cháo, mỗi người | 1 |
| 52 | Cho kẻ đói ăn một bữa | 1 |
| 53 | Cho kẻ khát nước uống một lần | 1 |
| 54 | Thí trà, nước, nước gừng, mỗi ngày | 10 |
| 55 | Cho người quần áo trong cơn gấp | 1 |
| 56 | Thí đồ che mưa cho một người | 1 |
| 57 | Thí thuốc cho người uống, mỗi lần | 1 |
| 58 | Dùng phương phép, thuốc men, cứu một người bịnh nặng | 20 |
| 59 | Nuôi một người bịnh tới mạnh | 30 |
| 60 | Thí một cách huyệt mà chôn người | 20 |
| 61 | Thí một khuôn hàng (một cái hòm) | 20 |
| 62 | Chôn một thây vô chủ | 50 |
| 63 | Chôn thú vật chết, mỗi lần | 1 |
| 64 | Đốt giấy nợ cho người nghèo | 10÷1000 |
| 65 | Xí được của rơi mà cho lại y số | 50÷500 |
| 66 | Cứu một người khỏi bị đánh khảo | 30 |
| 67 | Cứu một người khỏi đày | 100 |
| 68 | Cứu một người khỏi bán vợ con | 300 |
| 69 | Cứu một người nguy cấp | 5÷50 |
| 70 | Cứu mạng người không tội | 500 |
| 71 | Cứu một mạng dê, heo, gà, vịt, ngỗng... một mạng | 3 |
| 72 | Cứu một mạng chim, cá, trùng, kiến... một mạng | 1 |
| 73 | Cứu một mạng trâu, chó, ngựa | 5÷50 |
|   |   |   |
| 74 | Lượm giấy chữ Nho mà đốt, đem đổ tro xuống sông, mỗi miếng | 1 |
| 75 | Chép một khoản quả báo, hoặc lời khuyên mỗi điều | 1 |
| 76 | Cấm sách nói tục tĩu, dâm loạn, hoặc vẽ hình tục, thuốc tráng | 200 |
|   | Nếu mình làm ra, biết ăn năn mà đốt đi, bỏ đi, không bày nữa | 1000 |
| 77 | Khắc bản kinh mà thí cho người | 100÷500 |
| 78 | Chịu tiền in mà thí, mỗi cuốn | 1 |
|   | PHẦN 2: QUÁ CÁCH |   |
|   | **Phần: Làm ác** | **Tội** |
|  I. | **Ý ác** |   |
| 1 | Khinh Trời | 1000 |
| 2 | Khinh Vua | 1000 |
| 3 | Khinh ông bà, cha mẹ | 1000 |
| 4 | Nghi cha mẹ thương đứa nhiều đứa ít mà hờn mát | 1000 |
| 5 | Tuy nuôi cha mẹ nhưng mệt nhọc mà oán, hoặc là kêu và trễ nải, làm cho cha mẹ ưu phiền, mỗi việc | 500 |
| 6 | Bạc đãi những người cha mẹ mình yêu mến | 500 |
| 7 | Cha mẹ dạy phải, miệng "dạ" mà lòng không "vâng" mỗi việc | 500 |
| 8 | Bày mưu kế mà khinh phép công (phép nước) |  50÷500  |
| 9 | Vì của mà ganh ghét anh em | 500 |
| 10 | Vì tranh gia tài sanh kiện thưa | 1000 |
|   |   |   |
| 11 | Tính sự dâm loạn, sự tham, sự ganh ghét, sự dối đời, mỗi ngày | 10 |
| 12 | Lòng háo thắng, hay ganh ghét | 10 |
| 13 | Mong lòng hại người | 100÷ 1000 |
| 14 | Thấy người may mắn thì ganh-ghét  | 30 |
| 15 | Thấy người rủi ro thì khoái ý | 30 |
| 16 | Thấy người mạnh ăn mà ghét | 1 |
| 17 | Chưa biết mặt người, chưa thấy việc quấy của người mà chê bai | 30 |
| 18 | Nghe người có làm việc lành mà không tin | 10 |
| 19 | Lòng biết thua người, mà ngoài nói gượng không nhường |  1÷10  |
| 20 | Tài mình còn sút kém mà ngạo kẻ hơn mình | 30 |
| 21 | Gọi mình là phải, ai nói phải cũng không nghe |  10÷100  |
| 22 | Mình tính không phải, mà giận người không nghe lời | 10 |
|   |   |   |
| 23 | Biết lỗi mà không chịu, kiếm cớ chữa mình hoài | 10÷ 100 |
| 24 | Nghe nói lành thời biết phải, giây lâu bỏ qua không chịu cố | 50 |
| 25 | Tính làm lành làm phước, không bao lâu trễ nải bỏ qua | 50 |
| 26 | Học thua người mà không hổ thẹn, không gắng công, mỗi ngày | 1 |
|   |   |   |
| 27 | Hay giận, hay nóng, hay bất bình, toan mưu độc, mỗi ngày | 10 |
| 28 | Giận lây | 10 |
| 29 | Việc nhỏ mà giận to, mỗi việc | 1 |
| 30 | Không phải chuyện mình mà giận dữ, mỗi việc | 1 |
| - |  Nếu trái lẽ, mỗi việc | 2 |
|   |   |   |
| 31 | Nghèo khổ mà trách Trời, oán người, mỗi việc | 10 |
| 32 | Mong lòng hại người cho lợi mình | 10 |
| 33 | Vay mượn không được, lại thù oán người | 50 |
| 34 | Thiếu nợ không lo trả, người đòi lại giận | 50 |
| 35 | Ngó thấy của người thì muốn lấy | 30 |
| 36 | Thấy sắc tốt thì muốn cho được | 30 |
| 37 | Mưu thầm đoạt ruộng đất và gia sản của người | 100 |
| 38 | Trong lòng muốn lãnh của cho, mà nói hơi từ chối |  1÷10  |
| 39 | Ao ước sự quá bổn phận | 10 |
| 40 | Mơ ước sự không có, mỗi việc | 1 |
| 41 | Chuyện qua rồi còn cố mãi; Sự chưa tới mà tính hoài, mỗi việc | 1 |
| 42 | Cảm ơn người mà không lo trả | 50 |
| - |  Ơn trọng  | 100 |
| 43 | Thấy sát sanh mà khoái ý | 20 |
| 44 | Lòng biết người ấy lỗi, mà ngoài bợ đỡ a dua | 10 |
| 45 | Người nói phải, song trái tai thì giận | 10 |
| 46 | Nghe lời vợ, không xét phải quấy | 3 |
|   |   |   |
| 47 | Không nhường kẻ lớn | 50 |
| 48 | Khinh dẻ người, không dè dặt, kiêu ngạo, khinh khi, mỗi việc | 1 |
| 49 | Không biết thương kẻ dưới tay đói lạnh và lao khổ, mỗi ngày | 1 |
| 50 | Thấy người ăn cực khổ (hẩm hút) mà chê thầm | 1 |
| 51 | Thấy người vụng về và dốt nát mà khinh thầm | 1 |
| 52 | Vựa lúa đợi giá cao, nhà nghèo đói mua không bán | 50÷500 |
| 53 | Ỷ giàu sang mà làm kiêu làm thái, mỗi việc | 10 |
| 54 | Ỷ tài ỷ tận, muốn làm gì thì làm, không kể phải quấy. |  10÷100  |
| 55 | Cúng tế ông bà, mà không lòng thành kính | 10 |
| 56 | Tế thần mà không lòng cung kính  | 30 |
| 57 | Ghét người tu niệm | 5 |
|   |   |   |
| **II.** | **Ngữ ác** | **tội** |
|  |  |  |
| 1 | Chê bai Thánh-Hiền | 50 |
| 2 | Chê bai Phật, Tiên và Thần | 50 |
| 3 | Chê lời nói của Thánh-Hiền, mỗi lời | 1000 |
| 4 | Chê kinh sách | 30 |
| 5 | Kêu ngạo câu (trong) kinh sách | 30 |
| 6 | Nói chơi tới Thánh Hiền, Tiên, Phật | 30 |
| 7 | Mắng mưa, chửi gió, trách lạnh, trách nực nóng, nói vô lễ | 50 |
| 8 | Chê bai việc Triều-đình  | 20 |
| 9 | Khinh dẻ quan sở tại | 10 |
|   |   |   |
| 10 | Nói hỗn với cha mẹ, ông bà, mỗi lời | 1000 |
| 11 | Nói sự lỗi của cha mẹ | 500 |
| 12 | Cha mẹ làm việc lành thì cản, mỗi việc | 100 |
| 13 | Sui cha mẹ làm dữ, mỗi việc | 100 |
| 14 | Nói dối với ông bà cha mẹ, mỗi lần | 50 |
| 15 | Nói xúc phạm cô-bác và thầy | 500 |
| 16 | Nói xúc phạm tới ông bà cha mẹ người  | 30 |
| 17 | Nói sự lỗi của người bề trên mình | 30 |
| 18 | Chê bai một người đức hạnh |  50÷500  |
| 19 | Nói vô, nói ra cho anh em người xa nhau | 500 |
| 20 | Nói một sự quấy của người | 5 |
| 21 | Nói thêm sự lỗi cho người |  10÷100  |
| 22 | Nói bớt một sự phải của người | 5 |
| 23 | Nói châm biếm người (nói quanh, nói xa) | 10 |
| 24 | Ngạo một người | 30 |
| 25 | Nói xúc phạm người | 5 |
| 26 | Nói lời độc ác cho người nhức nhối xốn xang | 10 |
| 27 | Mắng người | 5 |
| 28 | Mắng nhiếc trước mặt người, không dung đến thể diện | 20 |
| 29 | Sau lưng hay bàn luận sự quấy của người | 1 |
| - | Nếu về sự thể diện | 2 |
| 30 | Nói hành (mắng lén người) | 3 |
| 31 | Rình chuyện tư của người |  5÷50  |
| 32 | Bươi móc sự riêng tư của người |  10÷100  |
| 33 | Bán-rao sự kín buồng-the của người (sự tư-tình) | 100 |
| 34 | Đặt điều nói cho một người đàn-bà mất tiết | 500 |
| - |  Nếu vì lời huyễn ấy, làm cho vợ chồng rã rời, hoặc sanh tử | 1000 |
| 35 | Sui người làm quấy |  5÷ 50  |
| 36 | Người không lỗi mà bới lông tìm vết | 30 |
| 37 | Lấy sự trái lẽ mà sỉ nhục người, gọi là mình phải | 10 |
| 38 | Nghe lời nói gian mà chê đè người phải | 10 |
| 39 | Nói lỗi người mà không xét mình, như hợm cờ bạc, chê bợm rượu | 10 |
| 40 | Người nói lầm lỗi, nói hoài không thôi | 10 |
| 41 | Nói chơi độc, châm biếm nặng nề | 5 |
| 42 | Nói chuyện tục tĩu, chửi thề | 10 |
| - |  Nếu có trước mặt trẻ nhỏ | 20 |
| 43 | Nói dị-đoan trái lẽ | 10 |
| 44 | Nói một lời tổn đức (thất đức) | 10 |
| 45 | Nói đi nói lại không nhượng một lời | 5 |
| 46 | Nói xàm, nói bậy | 5 |
| 47 | Nói trây (bửa) một lời | 1 |
| 48 | Nói láo một chuyện |  5÷50  |
| 49 | Đặt một chuyện huyễn hoặc |  5÷50  |
| 50 | Nghe chưa chắc, đã lưu truyền và dị nghị |  5÷50  |
| 51 | Khoe tài giỏi (khoe mình) | 1 |
| 52 | Chữa lỗi cho mình, không biết ăn năn chừa cải | 30 |
| 53 | Say rượu, nói hỗn hào, vô lễ, không sợ | 5 |
| 54 | Không biết cử kiên (nói không kiêng kị ai) | 5 |
| 55 | Bà con nghèo không nhìn tới | 20 |
| 56 | Khinh dẻ kẻ không biết, kẻ quê-mùa | 1 |
| 57 | Diễu-cợt kẻ khờ, người thiệt-thà | 1 |
| 58 | Mắng nhiếc ăn mày |  1÷2  |
| 59 | Chọc gái | 30 |
|   |   |   |
| **III** | **Hành ác** | **Tội** |
|   |   |   |
| 1 | Nghịch với ông bà cha mẹ, mỗi việc | 1000 |
| 2 | Làm lợi cho vợ con nhưng gây tổn hại cho cha mẹ | 100 |
| 3 | Mặt sưng mày sỉa với cha mẹ  | 10 |
| 4 | Nóng giận và ngược đãi cha mẹ | 20 |
| 5 | Ăn uống không dành phần cho cha mẹ (mỗi lần) | 1 |
| 6 | Khi cha mẹ đau ốm, không quan tâm chăm sóc  | 50 |
| 7 | Chán ghét ghê tởm cha mẹ già yếu tật nguyền  | 10 |
| 8 | Thiếu sót với cha mẹ (mỗi lần) | 10 |
| 9 | Khâm liệm cha mẹ vội vã qua loa | 100 |
| 10 | Trì hoãn quá lâu việc mai táng cha mẹ | 100 |
| 11 | Làm cho ruột thịt xa nhau | 1000 |
| 12 | Thả con cháu ra làm dữ | 500 |
| 13 | Không biết dạy con | 200 |
| 14 | Cưng con quá lẽ (quá mức) | 5 |
| 15 | Nghe lời vợ, xa anh em và thân tộc | 100 |
| 16 | Phá vợ chồng người | 300 |
| 17 | Xui một người kiện | 300 |
| - |  Nếu vì vụ kiện ấy mà hai đàng thiệt hại | 600 |
| 18 | Ăn hà-lạm thuế nước | 20 |
| 19 | Giấu của xí được | 20 |
| 20 | Giấu chúng mà hưởng lợi riêng | 5 |
| 21 | Hủy hoại lúa gạo, hủy của Trời, mỗi lần | 5 |
| 22 | Ăn xài thái quá, mỗi ngày | 1 |
| 23 | Đồ mượn của người mà không cưng dưỡng | 10 |
| 24 | Làm hư một món đồ của người | 5 |
| 25 | Mượn đồ không trả | 5 |
| 26 | Thất tín (sai lời hẹn) mỗi lần | 5 |
| 27 | Nhà giàu bỏn-sẻn, không bố thí, mỗi việc | 5 |
| 28 | Khinh dẻ kẻ đói khó | 5 |
| 29 | Dụ dỗ một người làm quấy | 300 |
| 30 | Giúp sức người làm dữ | 100 ÷200  |
| 31 | Giết chim cá, hay là loài côn trùng, một mạng | 3 |
| 32 | Giam cầm loài cầm thú, mỗi ngày | 1 |
| 33 |  Đến nó chết | 10 |
| 34 | Bịnh còn hồ-nghi chưa chắc cội rễ mà thầy dám hốt thuốc cho lầm | 50 |
| 35 | Làm bạn với người dữ |   |
| - |  Mỗi ngày | 10 |
| - |  Mỗi người | 10 |
| 36 | Làm bạn với kẻ chẳng lành, mỗi lần | 1 |
| 37 | Gái trai ăn ngồi lộn lạo, không phân biệt | 3 |
| 38 | Học trò làm biếng bỏ học, mỗi ngày | 3 |
| 39 | Dạy học trò không hết lòng, một ngày |  3÷30  |
| 40 | Tay không sạch mà dở sách (kinh) | 3 |
| 41 | Đồ có chữ mà bỏ nơi giường, nệm, chiếu | 3 |
| 42 | Bỏ giấy (có) chữ một miếng | 5 |
| - |  Bỏ dưới dơ  | 10 |
| 43 | Nằm xem kinh sách, mỗi lần | 1 |
| 44 | Không biết gì mà dám hủy kinh sách | 100 |
| 45 | Cúng cơm giỗ chạp trễ ngày | 20 |
| 46 | Tin tưởng Quỉ, Thần, cúng đình chùa mà bất hiếu với cha mẹ, ông bà, cô bác, anh em, mỗi lần | 30 |
| 47 | Tham vui buông lung, mỗi ngày | 10 |
| 48 | Hát một thứ tuồng dâm ác (hoa nguyệt) | 20 |
| 49 | Ở gát người ta (tranh phần hơn) | 1 |
| 50 | Phá đám người khác | 5 |
| 51 | Vô lễ: Không chào người, hoặc người chào mà không đáp lễ | 5 |
| 52 | Trước mặt nói phải sau lưng nói quấy | 5 |
| 53 | Khoe danh cho được tiếng khen | 5 |
| 54 | Biết người bị hàm oan, có thể cứu mà không cứu | 50 |
| 55 | Người mắc nạn, mình cứu được mà không cứu | 50 |
| 56 | Giúp việc cho người mà chẳng hết lòng | 10 |
| 57 | Cơn giận dữ lấn người, mỗi ngày | 10 |
| 58 | Đi đại, tiểu, tắm, rửa, không tránh mặt nhựt, mặt nguyệt, sao | 3 |
| 59 | Khinh dẻ mặt nhựt, mặt nguyệt và các vì sao | 50 |
| 60 | Phơi đồ uế-trược | 50 |
| 61 | Làm biếng, mỗi ngày | 10 |
|   |   |   |

**\*\*\***

# LỜI VĂN NGĂN LÒNG DỤC

#  CỦA ĐỨC VĂN XƯƠNG ĐẾ QUÂN

Biển nghiệp mênh-mông, dữ đầu dọc chẳng qua đều do sắc dục;

Cõi trần tán-loạn, dễ lụy mình duy có món tà dâm.

Đấng anh-hùng, tài nhổ núi, thế trùm đời, mắc chuyện ấy mà bỏ mình mất nước.

Trang nho-sĩ, miệng nhiễu thêu, lòng gấm vóc, nhơn điều nầy mà hại tiết hư danh.

Vì ban đầu một sự tưởng đà sai:

Bèn gây đến trọn cả đời khó chuộc.

Sao đi nỡ: Trao thói dâm bữa bữa hừng lên;

Bỏ thiên lý tăm tăm lụng xuống.

Lấy những nết đáng thương đáng xót, trở lại làm đắt kế mừng vui.

Chác những điều chúng giận chúng chê, điềm nhiên vậy không hề biết thẹn.

Chạm khắc thơ từ lời dâm-dục;

Luận đàm mỹ sắc chuyện hung-hăng,

Ven lộ thấy nàng lịch-sự, dòm muốn rớt tròng; trong rèm nom gái nõn-nà, thương hòng đứt ruột.

Hoặc nàng trinh tiết, hoặc gái đức lành, nên kính nên khen thì đã đáng; nỡ bày mưu dụ-dỗ, mà hại người cho không vẹn nết-na.

Như vợ tôi-tớ, như ả thị-tỳ, phải thương phải xót mới rằng là; sao cậy thế bức dâm, mà khiến nó trọn đời nhơ tiết.

Có phải là: Đã khiến họ-hàng người ngậm xấu;

Gây cho con cháu chúng mang nhơ.

Đều cũng bởi: Lòng ngu, khí trược, hiền tránh, nịnh gần.

Há có hay:

Trời đất không dung, thần người rúng giận.

Hoặc vợ con trả nợ. Hoặc con cháu đền bù.

Những mồ mả mấy người tuyệt tự;

Xưa là tay háo sắc cuồn đồ.

Những ông cha các ả thanh-lầu;

Gốc thiệt bọn tham hoa lãng tử.

Mạng phải giàu thì lầu ngọc bộ bôi;

Phần ưng quí thì bản vàng tên nọc.

Tội phải đòn, roi, lưu, đày, chết chém;

Còn sống thì mang ngũ trọng hình.

Sa vào địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh, đến thác lại chịu tam đồ khổ.

Các đều ân-ái khi xưa, chừng đó rồi không cả.

Những chuyện phong-lưu buổi nọ, lúc nầy ở nơi mô?

Đến khi sau hối ngộ mà không theo;

Sao chẳng sớm liệu lo mà chớ phạm.

Kính khuyên bọn thanh niên giai-sỉ: (Trai lịch còn thơ).

Cùng với hàng huỳnh quyễn danh lưu (ăn học có danh).

Phải mở-mang mà giác-ngộ tấm lòng:

Đặng khai phá cho khỏi ngằn ma sắc.

Kìa mặt trắng phù-dung thớ-thớ, bất quá thì thịt bọc cốt khô kia;

Nọ má hồng trang-điểm xinh-xinh, thiệt giống giết người đao bén đó.

Dẩu thấy mặt gái nào tợ hoa tợ ngọc của ai:

Hằng gìn mình xem thể như chị như em ta vậy.

Nếu ai chưa mắc đến chuyện nầy;

Phải ngừa trước đừng cho vấp cẳng.

Bằng người đã vướng rồi việc ấy;

Xin sớm mau mong-nả quày đầu.

Lại trông xây trở thông lưu, đắp-đổi cùng nhau khuyên dạy. Ắt là được: Chốn chốn thảy trở về đường giác;

Người người đều qua khỏi bến mê.

Mối dữ dầu đã bỏ đã trừ;

Các tà mị bèn tiêu bèn tán.

Như vậy thì:

Linh-đài chẳng chúc buội nhơ.

Cả đời sang trọng, truyền ra lâu dài, vậy ru!

Vậy có thơ rằng:

Sinh tiền vốn thiệt đẹp dường hoa,

Đến thác rồi ai thấy được mà?

Dẩu có lịch-xinh thêm đánh bóng;

Cốt hài cũng phải thịt bao da.

Thốt-nốt: NGUYỄN-HƯNG-HOÀNH

TRỌNG-QUYỀN

Kính dịch

# 12 ĐIỀU CẤM PHÙ HỰU ĐẾ QUÂN

Ông Phù-Hựu Đế-Quân là ông Lữ-Đồng-Tân, vâng chỉ Ngọc - Đế gián cơ khuyên đời, cấm 12 điều phạm tội với ông Táo:

1. Chửi rủa trước bếp, sẽ bị mọc mụn ghẻ trong miệng, lưỡi và ra máu mủ.
2. Gõ trên bếp, trên chảo, nồi, trách, trả, sẻ bị co rút tay chơn, sanh con ngỗ-nghịch,
3. Chụm củi dơ, vấy phẩn, hơi nhơ-uế bay lên trời, sẻ bị ôn dịch.
4. Đốt xương thú, lông loài cầm, (gà, chim) hơi than khét bay lên, sẽ bị nhiều bịnh dữ.
5. Rửa chân gần bếp, sẽ bị sản nạn, hoặc là đi nhót và phong cùi
6. Hong áo gần bếp, sẽ bị nuôi con không đặng.
7. Tắm gần bếp, sẽ bị tuyệt tự.
8. Dâm dục gần bếp, đời sau đầu thai làm trâu bị Trời đánh.
9. Đốt giấy chữ trong bếp, là khinh dễ Thánh-Hiền, sẽ bị đui mù.
10. Đạp đồ ăn dựa bếp, sẽ bị nghèo khổ, hành-khất.
11. Loài vật còn sống, mà nấu nướng trong bếp, sẽ bị tai họa.
12. Đánh lộn trước bếp, sẽ bị tàn gia bại sản.

# Sách đạo-kinh nói

# Về những đồ nhơ uế đừng để gần bếp

Những loài vật, nhứt là trâu, chó, ếch, nhái, không nên nấu nướng trong bếp.

Đừng lấy nước sôi tưới ổ kiến.

Lông gà, xương thú, củi dơ, không nên đem vào bếp.

Dao và búa, đừng để trong bếp cách đêm.

Chổi dừng dựng dựa bếp.

Đừng hơ áo, quần, giày, tất trong bếp.

Đừng ngồi trên bếp, hoặc leo lên bếp, đạp trên bếp, ngồi chồm-hỗm trên bếp.

Các điều ấy phải giữ-gìn cho lắm. Có lầm lỡ thì phải chừa. Nếu còn phạm nữa sẽ báo-ứng nhãn tiền. Phải nhớ mà giữ cho lắm.

# Đời xưa thầy Thạch-Thiên-Cơ nói

Đàn-bà con gái có hiếu với cha mẹ, và cha mẹ chồng, cung kính chồng, siêng việc nữ-công, lo việc nấu ăn, dạy con cái, có nhân với tôi-tớ, ấy là tu phước lớn, sẻ đặng phước nhiều.

Nếu không được mấy điều ấy, dầu mỗi ngày đốt hương, thần phật cũng ghét. Lời ấy thiệt là chánh lý, hay lắm.

# Lời-khuyên-đời của Ông Lữ-động-Tân

(10 điều có ích)

1. Làm lành bố thí, có ích với Thần.
2. Làm quan thanh-liêm, có ích với dân.
3. Một lòng thảo thuận, có ích song thân.
4. Xử việc công-bình, có ích hương lân.
5. Trọng nghĩa khinh của, có ích thân-bằng.
6. Vung phân tưới nước, có ích nông-tang.
7. Sửa cầu đắp lộ, có ích cho bộ-hành:
8. Không nghe lời vợ, có ích em anh.
9. Dạy cày, dạy học, có ích hậu sanh.
10. Không say, không thả, có ích cho mình.

# ÔNG HỨA-CHƠN-QUÂN RĂN ĐỜI

(10 điều vô ích)

1. Lòng ở chẳng lành, địa-lý không ích.
2. Chẳng thảo cha mẹ, thờ Thần không ích.
3. Anh em chẳng hòa, kết bạn không ích.
4. Ăn ở chẳng ngay, đọc sách không ích.
5. Cao cách kiêu ngạo, học nhiều vô ích.
6. Làm việc trái đời, thông-minh vô ích.
7. Chẳng tiết tinh thần, uống thuốc vô ích.
8. Thời vận còn suy, cầu may vô ích.
9. Lấy của người ta, bố thí vô ích.
10. Dâm loạn chơi ác, âm đức vô ích.

Chú thích:

1. **Phạm Trọng Yêm**, [tiếng Trung](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Trung_Qu%E1%BB%91c): 范仲淹, ([989](https://vi.wikipedia.org/wiki/989) - [1052](https://vi.wikipedia.org/wiki/1052)), tự **Hy Văn**, thụy **Văn Chánh**, là một nhà chính trị, nhà văn, nhà quân sự, nhà giáo dục thời [Bắc Tống](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%E1%BB%91ng%22%20%5Co%20%22Nh%C3%A0%20T%E1%BB%91ng). Ông là người [huyện Ngô](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Huy%E1%BB%87n_Ng%C3%B4&action=edit&redlink=1" \o "Huyện Ngô (trang chưa được viết)), [Tô Châu](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4_Ch%C3%A2u%22%20%5Co%20%22T%C3%B4%20Ch%C3%A2u) (nay thuộc Tô Châu, [Giang Tô](https://vi.wikipedia.org/wiki/Giang_T%C3%B4). [↑](#footnote-ref-1)
2. **Tô Tuân** ([chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n%22%20%5Co%20%22Ch%E1%BB%AF%20H%C3%A1n):蘇洵, [1009](https://vi.wikipedia.org/wiki/1009)-[1066](https://vi.wikipedia.org/wiki/1066)), hiệu: **Lão Tuyền** là quan [nhà Tống](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%E1%BB%91ng), và là [nhà văn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_v%C4%83n) đứng trong hàng tám nhà văn lớn [[1]](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4_Tu%C3%A2n#cite_note-1) thời [Đường](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng%22%20%5Co%20%22Nh%C3%A0%20%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng)-[Tống](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%E1%BB%91ng) trong [lịch sử](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD%22%20%5Co%20%22L%E1%BB%8Bch%20s%E1%BB%AD) [văn học Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc_Trung_Qu%E1%BB%91c%22%20%5Co%20%22V%C4%83n%20h%E1%BB%8Dc%20Trung%20Qu%E1%BB%91c). [↑](#footnote-ref-2)
3. Quan Thánh Đế Quân tức Quan Vũ, tự là Vân Trường (160-220). Ông là người đứng đầu trong Ngũ Hổ Tướng của Lưu Bị và là anh em kết nghĩa với Lưu Bị, Trương Phi. Sau khi Lưu Bị tiến quân vào Tây Thục và dựng nên nhà Thục Hán thì cục diện Trung Quốc hình thành thế thiên hạ chia ba: bao gồm Bắc Ngụy (đứng đầu là Tào Tháo), Đông Ngô (đừng đầu là Tôn Quyền) và Tây Thục (đứng đầu là Lưu Bị. Năm 219, tường Đông Ngô là Lữ Mông đem quân đánh úp Kinh Châu. Quan Vũ thua trận chạy ra Mạch Thành và cầu cứu Lưu Phong (con nuôi Lưu Bị). Tuy nhiên Lưu Phong không đem quân ứng cứu, vậy nên Quan Vũ bị Lữ Mông bắt được và giết hại. Lưu Bị biết tin đem 70 vạn quân đánh Đông Ngô báo thù cho Quan Vũ. Tuy nhiên Lưu Bị mắc mưu của Lục Tốn bị thất bại đem tàn quân về Bạch Đế thành và mất tại Bạch Đế thành. [↑](#footnote-ref-3)
4. ##  Quan Thánh Đế Quân

Quan Thánh: vị Thánh họ Quan.

Quan Vũ (162 – 219), cũng được gọi là Quan Công , tự là Vân Trường, Trường Sinh, là một vị võ tướng thời kỳ cuối nhà Đông Hán và thời Tam Quốc ở Trung Quốc. Ngài là người đã góp công lớn vào việc thành lập nhà Thục, với Lưu Bị là vị hoàng đế đầu tiên. Ngài cũng là người đứng đầu trong số ngũ hổ tướng của nhà Thục, bao gồm: Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Hoàng Trung và Mã Siêu.

Ngài giáng sinh vào ngày hai mươi bốn tháng sáu năm Diên Hi thứ ba đời Đông Hán, ở thôn Hạ Phùng, huyện Giải (sau thành châu Giải), quận Hà Đông, bộ Hiệu Úy của Trực Lệ (nay là thôn Thường Bình, làng Thường Bình, Vận Thành). ([1])

Điểm đặc biệt hiếm thấy trong tín ngưỡng thờ đức Quan Thánh Đế Quân là Ngài được tôn vinh trong cả Tam Giáo (Nho, Phật, Đạo).

Nho giáo thì tôn xưng Ngài là một trong “Ngũ Văn Xương”, lại tôn là “Văn Vệ Thánh Đế”, hoặc “Sơn Tây Phu Tử”; có khi tôn là Á Thánh, Á Hiền. Dân gian Trung Quốc có câu nói: “Ở Sơn Đông có một người làm kinh Xuân Thu (chỉ Khổng Tử); Ở Sơn Tây có một người xem kinh Xuân Thu (chỉ Quan Thánh Đế)”. Có câu này là do thuở bình sinh, Ngài rất yêu kinh Xuân Thu, hễ khi nào rảnh rỗi là ngồi đọc.

Đạo giáo thì thờ Ngài như là một vị gần gũi với Ngọc Hoàng Thượng Đế, tôn xưng Ngài là “Dực Hán Thiên Tôn”, “Hiệp Thiên Đại Đế” hoặc “Vũ An Tôn Vương”.

Phật giáo thì lấy sự trung nghĩa của Ngài làm Hộ Pháp, lại có truyền thuyết Ngài đã từng hiển thánh ở núi Ngọc Tuyền, quy y nhà Phật. Do đó, tôn Ngài làm “Cái Thiên Cổ Phật” hoặc “Hộ Pháp Già Lam”.

“Từ điển Nho Phật Đạo” giảng giải về đức Quan Thánh Đế Quân như sau:

“Ngài là vị Võ thánh nhân giáng thần trợ uy được cả Phật giáo và Đạo giáo phụng thờ. Sau khi mất, đầu được táng tại Lạc Dương, Hà Nam (khu lăng mộ Quan Lâm), mình táng tại núi Ngọc Tuyền, Đương Dương, Hồ Bắc. Người đương thời cảm về đức nghĩa của Ngài, hàng năm thờ cúng rất chu đáo. Năm đầu Sùng Ninh (1102), Tống Huy Tông truy phong là “Trung Huệ Công”. Năm Tuyên Hòa 5 (1123) phong là “Nghĩa Dũng Vũ An Vương”. Năm Vạn Lịch 33 (1605) nhà Minh gia phong là “Tam giới Phục ma Đại đế Thần uy Viễn chấn Thiên tôn Quan thánh Đế quân”. Đến thời Thuận Trị nhà Thanh, lại ban sắc phong là “Trung nghĩa Thần vũ Linh hựu Nhân dũng Uy hiển Hộ quốc Bảo dân Tinh thành Tuy tĩnh Dực tán Tuyên đức Quan thánh Đại đế”.

Ngài trở thành vị Võ Thánh sánh ngang với Văn Thánh Khổng Tử. Tương truyền ngay từ thời nhà Tùy, Ngài đã trở thành một trong những vị thần hộ pháp của Phật giáo. Bấy giờ, ở núi Thiên Thai có một nhà sư muốn xây chùa, đang đêm ngủ mộng thấy một vị thần nhân tự xưng là Quan Vũ, nguyện làm đệ tử của Phật, hộ trì Phật pháp. Sau đó, nhà sư bẩm lên Tấn Vương Dương Quảng. Dương Quảng bèn phong Quan Vũ là Già lam thần. Thần tích liên quan đến Ngài trong Đạo giáo càng trở nên phổ biến hơn. Hán thiên sư thế gia nói rằng khi Thiên sư thế hệ 30 của Trương Kế Tiên dùng bùa trừ giao long ở Giải Châu thì Ngài là thiên tướng thủ hạ của thiên sư. Có sách Đạo thư nói tiền thân của Ngài là con rồng già trong chằm núi Lôi Thủ, tôn là Quan Thánh Đế Quân, gọi tắt là Quan Đế.

Hậu thế có nhiều loại văn khuyến thiện thông tục, giả thác tên ngài như Quan Đế Giác Thế Chân Kinh, Quan Đế Minh Thánh Kinh, Giới sỹ tử văn, v.v… lưu truyền rất rộng”. (hết lời trích)

Là một trong những nhân vật lịch sử của Trung Quốc được biết đến nhiều nhất ở khu vực Đông Á, hình tượng của Ngài đã được tiểu thuyết hóa trong Tam Quốc diễn nghĩa của La Quán Trung và sau này được khắc họa trong các dạng hình nghệ thuật như kịch, chèo, tuồng, phim ảnh v.v với những chiến tích và phẩm chất đạo đức được đề cao cũng như được thần thánh hóa trong các câu chuyện dân gian, bắt đầu từ thời kỳ nhà Tùy (581-618).

Ngài cũng được thờ cúng ở rất nhiều nơi, đặc biệt là ở Hồng Kông, với tượng mặt đỏ, râu dài, tay cầm cây Thanh Long đao, cưỡi ngựa xích thố, hoặc ngồi đọc kinh Xuân Thu. Tương truyền thanh long đao của Ngài nặng 82 cân (khoảng 18 kg ngày nay).

Dân gian coi Ngài như một biểu tượng của tính hào hiệp, trượng nghĩa. Cũng vì cảm khái trước lòng hào hiệp, trượng nghĩa của Ngài mà người đời sau có rất nhiều câu đối đề tặng ngài, trong đó có những đôi câu đôi nổi tiếng như:

*Chí tại Xuân Thu, công tại Hán*

*Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên*

**Dịch nghĩa**

*Lập chí ở Kinh Xuân Thu, lập công cho nhà Hán*

*Lòng trung tựa mặt trời, mặt trăng;*

*Nghĩa sánh với trời*

**Hoặc**

*Xích diện bỉnh xích tâm,*

*kỵ Xích thố truy phong,*

*trì khu thời,*

*vô vong Xích đế*

*Thanh đăng quang thanh sử,*

*trượng thanh long yển nguyệt,*

*ẩn vi xứ,*

*bất quý thanh thiên*

**Dịch nghĩa**

*Mặt đỏ lòng son,*

*cưỡi Xích thố như gió,*

*khi rong ruổi không quên vua Đỏ ([2])*

*Đèn xanh xem sử xanh,*

*nương thanh long yển nguyệt,*

*chốn ẩn vi chẳng thẹn với trời xanh*

Người xưa cũng có bài thơ tán dương Ngài như sau:

**Phiên âm**

*Tinh trung xung nhật nguyệt*

*Nghĩa khí quán càn khôn*

*Diện xích tâm vưu xích*

*Tu trường nghĩa cánh trường*

**Dịch nghĩa:**

*Lòng trung như mặt trời, mặt trăng,*

*Nghĩa khí như trời đất.*

*Mặt đỏ, tâm cũng đỏ,*

*Râu dài, nghĩa cũng lớn*

Tại ngôi miếu Quan Vương ở cửa Thiên Nhạc, núi Hoàng Long, huyện Thông Thành (Trung Quốc) có đôi câu đối:

Sinh Bồ Châu, giúp Dự Châu, ngồi trấn Kinh Châu, tay đỏ dựng ngàn thu sự nghiệp;

Anh Huyền Đức, em Dực Đức, chẳng hàng Mạnh Đức, lòng son rung vạn thuở cương thường.

Nhiều đời vua Trung Quốc nối tiếp nhau gia phong cho Ngài từ tước “Hầu” lên đến vị “Thánh” như sau:

	* Hán Hậu Chủ (năm 260) truy phong tên thụy của Quan Công là “Tráng Mậu Hầu”.
	* Năm Sùng Ninh thứ nhất (năm 1102) đời vua Huy Tông Bắc Tống phong làm “Trung Huệ Công”.
	* Năm Sùng Ninh thứ ba (năm 1104) đời vua Huy Tông Bắc Tống tấn phong làm “Sùng Ninh Chân Quân”.
	* Năm Đại Quan thứ hai (năm 1108) chúc phong làm “Vũ An Vương”.
	* Năm Tuyên Hòa thứ năm (năm 1112) tái phong làm “Nghĩa Dũng Vũ An Dương”.
	* Năm Kiến Viêm thứ hai (năm 1128) đời vua Cao Tông Nam Tống phong làm “Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Vương”.
	* Năm Thuần Hi thứ mười bốn (năm 1187) vua Hiếu Tông phong làm “Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Anh Tế Vương”.
	* Năm Thiên Lịch thứ nhất (năm 1328 ) đời vua Văn Tông nhà Nguyên phong làm “Hiển Linh Nghĩa Dũng Vũ An Anh Tế Vương”.
	* Năm Hồng Vũ thứ hai mươi bảy đời vua Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương sắc lệnh cho xây dựng “Quan Công Miếu” ở Nam Kinh, và ra lệnh mọi người phải bái kính Ngài.
	* Minh Hiến Tông sắc lệnh trùng tu Miếu Quan Công.
	* Năm Vạn Lịch thứ mười (năm 1528) đời vua Thần Tông nhà Minh phong làm “Hiệp Thiên Hộ Quốc Trung Nghĩa Đế”. Sau ban sắc chỉ sửa đổi tên Miếu Thờ Quan Công ở châu Giải là “Anh Liệt Miếu”.
	* Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai (năm 1614) đời vua Thần Tông nhà Minh phong làm “Tam giới Phục ma Đại Đế Uy viễn chấn Thiên tôn Quan Thánh Đế Quân”. Lại ban sắc lệnh cho “dát vàng” y phục của tượng Ngài Quan Công ở miếu thờ kinh đô, phong Lục Tú Phù và Trương Thế Kiệt làm tả hữu Thừa Tướng cho Quan Thánh Đế Quân; Nguyên soái Nhạc Phi (đời Tống) và Uất Trì Cung (đời Đường) là Già Lam Hộ Pháp cho Ngài; lại phong cho phu nhân của Quan Công là “Cửu Linh Ý Đức Vũ Túc Anh Hoàng Hậu”; phong cho trưởng tử Quan Bình làm “Kiệt Trung Vương”, thứ tử Quan Hưng làm “Hiển Trung Vương”, Châu Thương (Xương) làm “Uy Linh Huệ Dũng Công”.
	* Năm Thuận Trị thứ nhất (năm 1644) đời vua Thế Tổ nhà Thanh phong làm “Trung Nghĩa Thần Vũ Quan Thánh Đại Đế”.
	* Năm Ung Chính thứ nhất đời Thanh gia phong làm “Linh Hựu”.
	* Vua Khang Hi nhà Thanh phong làm “Phục Ma Đại Đế”.
	* Năm 1703, đích thân vua Khang Hi nhà Thanh đến quê của Quan Công ở châu Giải để bái yết và đề biển cho Miếu thờ Ngài.
	* Năm Càn Long thứ 53 đời Thanh gia phong “Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Quan Thánh Đại Đế”.
	* Năm Ung Chính thứ ba (năm 1725) vua Thế Tông nhà Thanh truy phong tằng tổ của Quan Công, ông cố là “Quang Thiệu Công”, ông nội là “Dụ Xương Công”, còn cha là “Thành Trung Công”.
	* Trải qua các đời vua Nhân Tông, Cao Tông, Tuyên Tông, Văn Tông nhà Thanh cũng đều có gia phong và đề biển ở Miếu thờ Ngài:
	* Năm Đạo Quang thứ tám, gia phong hai chữ “Uy Hiển”,
	* Năm Hàm Phong thứ nhất, tái gia phong hai chữ “Tinh Thành”,
	* Tuyền Hựu phong hai chữ “Tuy Tĩnh” và ban cho tấm biển đề “Vạn Thế Nhân Cực”,
	* Đồng Trị gia phong hai chữ “Dực Tán”,
	* Quang Tự gia phong hai chữ “Tuyên Đức”.
	* Đời Thuận Trị được sắc phong danh hiệu dài tới 26 chữ là:“TRUNG NGHĨA THẦN VŨ LINH HỰU NHÂN DŨNG UY HIỂN HỘ QUỐC BẢO DÂN TINH THÀNH TUY TĨNH DỰC TÁN TUYÊN ĐỨC QUAN THÁNH ĐẠI ĐẾ”.

Nhà vua lại sắc lệnh cho cả nước đều xây Miếu Thờ Quan Thánh Đế Quân, xuân thu nhị kỳ phải chí thành cúng tế.

([1]) Có nhiều thông tin khác nhau về ngày sinh, ngày mất của Quan Thánh Đế. Tham khảo mục Các ngày lễ trọng của các vị được phụng thờ tại đền Thượng – Phần Một của sách này.

([2]) Chỉ nhà Hán, vì nhà Hán ứng với vận hỏa.

 **Lữ Động Tân** 呂洞賓

Llà một nhân vật lịch sử và là một vị thần trong số [Bát Tiên](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1t_Ti%C3%AAn), được tôn kính trong [lịch sử văn hóa Trung Hoa](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B2ng_V%C4%83n_h%C3%B3a_%C4%90%C3%B4ng_%C3%81).)

Lữ Ðồng Tân, con của Thứ Sử Hải Châu, sanh ngày 14 tháng 4. Khi bà mẹ mới sanh Ông thì trong phòng mùi hương thơm phức, có hạc trắng bay vào phòng rồi biến mất. Ấy là Huê Dương Chơn Nhơn đầu thai xuống trần làm Lữ Ðồng Tân.

Lữ Ðồng Tân lớn lên, mắt phụng mày ngài, tay dài, cổ cao, mũi thẳng, xương gò má cao, chơn mày bên tả có nốt ruồi, dưới bàn chơn có chỉ như lưng qui, mình cao 8 thước 2, tánh ưa bịt khăn huê dương (bao đảnh xanh), mặc áo đạo sĩ.

Khi ấy có thầy coi tướng Mãn Tổ đến coi đoán rằng: “Người trẻ nầy tướng khác phàm tục, sau gặp chữ Lư thì đắc thời, gặp chữ Chung thì thành đạo.”

Mọi người trong nhà đều nghe nhưng không hiểu gì.

Năm 20 tuổi, Lữ Ðồng Tân xưng hiệu là Thuần Dương, nên gọi là Lữ Thuần Dương, đi thi đỗ Tú Tài, tiếp theo đỗ luôn Cử Nhân, nhưng khi thi Tiến Sĩ thì rớt. Khi đến núi Lư sơn, gặp Huỳnh Long Chơn Nhơn dạy cho phép tu luyện và tặng cho một thanh gươm chém được yêu quái.

Ngày kia, Lữ Ðồng Tân đến chợ Trường An, huyện Hàm Ðan, vào quán rượu, gặp một đạo sĩ mặc áo trắng đang đề thơ trên vách ba bài thi như sau:

N*gồi đứng hằng mang rượu một bầu,*

*Chẳng cho cặp mắt thấy Hoàng Châu.*

*Dạo chơi ít kẻ tường tên họ,*

*Trên thế thanh nhàn muốn được đâu?*

*Thần Tiên tìm bạn khó không nài,*

*Có phước theo ta dễ mấy ai?*

*Ðông Hải rõ ràng nhiều động đá,*

*Ít người được thấy núi Bồng Lai.*

*Dạo chơi theo thuở, ở theo thời,*

*Danh lợi làm chi mắc nợ đời.*

*Nằm nghĩ co tay hằng đếm mãi,*

*Mấy ai ao ước được như lời.*

Lữ Ðồng Tân thấy đạo sĩ cốt cách Thần Tiên, đề thơ thanh thoát thì cảm phục lắm, liền đến làm quen, chắp tay chào hỏi và xin Ðạo sĩ cho biết họ tên. Ðạo sĩ mời ngồi, rồi nói rằng:

– Ông hãy làm một bài thơ cho ta biết ý trước đã.

Lữ Ðồng Tân liền đọc:

*Cân đai ràng buộc ý không màng,*

*Áo vải coi ra rất nhẹ ï nhàng.*

*Danh lợi cuộc đời chưa phỉ nguyện,*

*Làm tôi Thượng Ðế mới nên trang.*

Ðạo sĩ nói:

– Ta là Chung Ly Vân Phòng, tu ở núi Triều Hạc, Ông có muốn đi chơi với ta không?

Ðồng Tân có vẻ lưỡng lự. Vân Phòng biết họ Lữ còn muốn đi thi Tiến Sĩ để trổ danh với đời, nên ý còn dùng dằng.

Vân Phòng muốn độ Lữ Ðồng Tân nên ngồi nấu một nồi huỳnh lương, tức là nồi bắp vàng. Trong lúc chờ cho nồi bắp chín, Vân Phòng đưa cho Lữ Ðồng Tân một cái gối, bảo nằm xuống nghỉ, còn mình thì tiếp tục chụm củi đun nồi bắp.

Ðồng Tân nằm xuống, kê đầu lên gối, giây lát chiêm bao thấy mình vác lều chõng đi thi, ngang qua nhà giàu nọ, gặp người con gái rất đẹp thì ướm lời. Nàng nói rằng: Nếu chàng thi đậu Trạng Nguyên thì thiếp nguyện nâng khăn sửa trấp.

Lữ Ðồng Tân vào khoa thi đỗ Trạng, về cưới nàng ấy, sau lại cưới thêm hầu thiếp, được vua bổ làm quan Gián Nghị, lần lần thăng lên. Sau 40 năm được vua phong tới chức Thừa Tướng, con cái đông đảo, sui gia cũng bực quan lớn, lại có cháu nội cháu ngoại. Thật là vinh sang phú quí tột bực.

Chẳng may, sau đó bị gian thần hãm hại, vu oan giá họa, vua tin lời, bắt tội, truyền tịch thâu gia sản, đày qua núi Lãnh Biển, cực khổ vô cùng. Kế giựt mình thức dậy.

Vân Phòng ngồi kế bên cười lớn, ngâm câu thơ:

*Nồi bắp hãy còn ngòi,*

*Chiêm bao đà thấy cháu.*

Lữ Ðồng Tân lấy làm lạ hỏi rằng:

– Thầy biết sự chiêm bao của tôi sao?

– Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không đầy một lát, đặng chẳng khá mừng, mất không nên thảm, hết vinh tới nhục là lẽ thường. (Do sự tích nầy mà người ta nói: Giấc Huỳnh lương, Giấc kê vàng, Giấc Hàm Ðan, là để chỉ giấc mộng của Lữ Ðồng Tân, xem vinh hoa phú quí là phù du mộng ảo).

Ðồng Tân nghe Vân Phòng nói vậy, liền tỉnh ngộ, ngẫm nghĩ thấy chán ngán cuộc đời, cầu xin Vân Phòng truyền đạo.

Vân Phòng nói:

– Việc nhà hãy chưa an, đời sau tu cũng không muộn.

Nói rồi liền bỏ đi. Lữ Ðồng Tân trở về nhà, bỏ việc công danh, lo tu tâm dưỡng tánh. Trong thời gian đó, Chung Ly Vân Phòng lần lượt bày ra 10 điều để thử tâm chí của Lữ Ðồng Tân. Vân Phòng rất hài lòng về người đệ tử nầy, nói:

– Ta đã thử 10 điều, khen ngươi bền chí, đáng được truyền đạo trường sanh. Song ngươi chưa có công quả bao nhiêu, nên ta rước gấp chưa được. Nay ta dạy ngươi phép chỉ đá hóa vàng, ngươi cứu đời cho có công quả, rồi ta sẽ rước ngươi về Thượng giới.

Lữ Ðồng Tân thưa rằng:

– Vàng ấy chừng bao lâu mới phai?

– Cách 3000 năm mới trổ.

Lữ Ðồng Tân châu mày thưa rằng:

– Như vậy thì cứu người nghèo bây giờ mà lại làm hại những kẻ 3000 năm sau nhiều lắm, thiệt tôi chẳng nỡ.

Vân Phòng khen:

– Lòng ngươi nhơn đức 10 phần, truyền đạo bây giờ cũng đặng.

Nói rồi dắt Lữ Ðồng Tân về núi Triều Hạc, và sau đó truyền hết các phép tu luyện cho Lữ.

Một ngày nọ, Vân Phòng gọi Lữ Ðồng Tân nói:

– Ta sắp lên chầu Thượng Ðế, sẽ tâu xin đem tên ngươi vào sổ Tiên. Cách 10 năm nữa, đến gặp ta tại Ðộng Ðình Hồ.

Xảy có một vị Tiên cỡi hạc bay đến nói:

– Có chiếu chỉ của Ðức Thượng Ðế phong Vân Phòng làm chức Kim Khuyết Thượng Tiên. Hãy mau lên lãnh sắc.

Vân Phòng liền từ giã Lữ Ðồng Tân rồi bay lên mây. Lữ Ðồng Tân vẫn ở núi Triều Hạc để tu và lập công quá.

Ngày nọ, Lữ Ðồng Tân đến sông Giang Hoài, được biết có một con giao thành tinh, phá hại dân chúng. Ðã có nhiều đạo sĩ đến trị nó không nổi. Lữ Ðồng Tân biết mình có gươm phép của Huỳnh Long Chơn Nhơn ban cho, chắc trừ nó đặng, nên nói với quan Phủ để mình lãnh cho.

Nói rồi, rút gươm phép ra, miệng niệm Thần chú, phóng gươm xuống sông Giang Hoài, giây phút thấy nước sông nổi sóng, máu tươi vọt lên thắm đỏ dòng sông, con giao long bị chém đứt họng nổi lên. Gươm linh nầy chém xong lại trở vô vỏ. Quan Phủ rất mừng, tặng cho Lữ vàng bạc để đền ơn, nhưng họ Lữ không nhận.

Lữ Ðồng Tân đi qua Châu Nhạc Dương, bố thí thuốc chữa bịnh, và tìm người lành độ dẫn tu hành. Kế tới ngày hẹn với Chung Ly, Lữ Ðồng Tân sắp đặt để đi đến Ðộng Ðình Hồ đón Vân Phòng và cùng Vân Phòng đi độ Hàn Tương Tử.

\*\*\* [↑](#endnote-ref-1)
5. **Thanh Nhân Tông** ([chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n%22%20%5Co%20%22Ch%E1%BB%AF%20H%C3%A1n): 清仁宗, [13 tháng 11](https://vi.wikipedia.org/wiki/13_th%C3%A1ng_11) năm [1760](https://vi.wikipedia.org/wiki/1760) – [2 tháng 9](https://vi.wikipedia.org/wiki/2_th%C3%A1ng_9) năm [1820](https://vi.wikipedia.org/wiki/1820)), hay còn gọi **Gia Khánh Đế** (嘉慶帝), là [hoàng đế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_%C4%91%E1%BA%BF%22%20%5Co%20%22Ho%C3%A0ng%20%C4%91%E1%BA%BF) thứ 7 của [nhà Thanh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Thanh) trong [lịch sử Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Trung_Qu%E1%BB%91c%22%20%5Co%20%22L%E1%BB%8Bch%20s%E1%BB%AD%20Trung%20Qu%E1%BB%91c) [Mãn Châu](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A3n_Ch%C3%A2u%22%20%5Co%20%22M%C3%A3n%20Ch%C3%A2u), cai trị từ năm [1796](https://vi.wikipedia.org/wiki/1796) đến năm [1820](https://vi.wikipedia.org/wiki/1820). [↑](#footnote-ref-4)
6. **HỒI HƯỚNG**

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm Phật Tịnh Độ

Trên đền bốn ơn nặng

Dưới cứu khổ ba đường

Nếu có ai thấy nghe

Cùng phát tâm bồ đề

Hết một báo thân này

Đồng sanh Cực Lạc quốc

**NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI**

**ĐẠI TỪ ĐẠI BI A DI ĐÀ PHẬT**

\*\*\*

 [↑](#endnote-ref-2)
7. Đức **Thái Thượng Đạo Tổ** còn có danh xưng Đức Thái Thượng Lão Quân hay Đức Lão Tử [↑](#footnote-ref-5)
8. Kỉ -12 năm [↑](#footnote-ref-6)